TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẬP** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 102/2020/QĐST-HNGĐ	*Yên Lập, ngày 09 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 89/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị L, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Khu Xuân Tân, xã Lương Sơn, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Hoàng Quốc Việt - Cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp lý nhà nước tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh Bùi Mạnh T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Khu Xuân Tân, xã Lương Sơn, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Dương Đức C, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu Trung Ngãi 5 (Nay là khu Trung Ngãi), thị trấn Yên Lập, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 2,3,4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật dân sự; Khoản 7 Điều 26, điểm a, điểm b khoản 5, điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Dương Thị L và anh Bùi Mạnh T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Dương Thị L trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Bùi Dương Trường T, sinh ngày 17/10/2005 và Bùi Quốc A, sinh ngày 28/02/2007.

Anh Bùi Mạnh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 600.000 đồng/01 con chung/01 tháng, tổng là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) cho hai con chung mỗi tháng kể từ tháng 7 năm 2020 đến khi con chung đã thành niên, phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng (Vào ngày 20 hằng tháng); Anh Bùi Mạnh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị Dương Thị L và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở anh Bùi Mạnh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: Chị Dương Thị L và anh Bùi Mạnh T thỏa thuận:

+ Chị Dương Thị L được quyền trực tiếp sử dụng thửa đất số 116, tờ bản đồ số 06, bản đồ 299, diện tích 192m^2, địa chỉ thửa đất tại Khu Xuân Tân, xã Lương Sơn, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, được Uỷ ban nhân dân huyện Yên Lập cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 807896 ngày 06/01/2016 đứng tên anh Bùi Mạnh T và chị Dương Thị L, trị giá tài sản chị Dương Thị L được sử dụng là 665.500.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

+ Chị Dương Thị L có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho anh Bùi Mạnh T số tiền là 332.750.000 đồng (Ba trăm ba mươi hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) sau khi có quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

- Về công nợ chung: Chị Dương Thị L và anh Bùi Mạnh T cùng có nghĩa vụ phải trả cho anh Dương Đức C số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), cụ thể mỗi người phải trả cho anh Dương Đức C số tiền là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

- Về công sức đóng góp: Chị Dương Thị L và anh Bùi Mạnh T đều không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Khi án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận các bên nhưng không vượt quá mức lãi xuất được quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí:

+ Chị Dương Thị L phải chịu 150.000 tiền án phí dân sự sơ thẩm và 8.319.000 đồng tiền án phí chia tài sản chung. Xác nhận chị Dương Thị L đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001392 ngày 06 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ. Chị Dương Thị L phải nộp 8.169.000 đồng (Tám triệu một trăm sáu mươi chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Anh Bùi Mạnh T phải chịu 150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 8.319.000 đồng tiền án phí chia tài sản chung. Tổng số tiền án phí anh Bùi Mạnh T phải chịu là 8.469.000 đồng (Tám triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền

yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Yên Lập;
- Chi cục THADS huyện Yên Lập;
- UBND phường Hùng Vương, TX Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)
Bùi Xuân Trường